

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2025/DS-ST

Ngày: 18 – 6 – 2025

“V/v Tranh chấp vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Duy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-DS ngày 08/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-DS ngày 28/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

*Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Phương N, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lê Trung T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Phương N, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Hoàng Thị H và người đại diện theo uỷ quyền ông Trần Phương N thống nhất trình bày: Ngày 24/01/2023, bà H cho ông Lê Trung T mượn số tiền 127.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 24/01/2023, thời gian trả là 6 tháng, không thoả thuận lãi và lãi suất. Ngày 24/02/2023 A, ông T mượn bà H số tiền 22.000.000 đồng, không thoả thuận lãi, thời gian trả lãi cũng như thời gian trả nợ. Đến ngày 22/5/2023 thì viết lại giấy nợ, số tiền 150.000.000 đồng (Bao gồm giấy nợ ngày 24/1/2023 và giấy nợ ngày 24/02/2023). Đến ngày 10/02/2024, viết lại giấy mượn tiền thể hiện số nợ gốc là 150.000.000 đồng và bà H đưa thêm cho ông T là 100.000.000 đồng. Tổng số tiền mà ông Tôn M là 250.000.000 đồng, thời gian trả là 12 tháng, không thoả thuận lãi và lãi suất. Các Giấy mượn tiền ngày 24/01/2023, ngày 24/02/2023 AL, ngày 22/5/2023 không còn giá trị. Tuy nhiên, ông Lê Trung T không chịu trả nợ cho bà H. Hiện nay, điều kiện của gia đình bà H gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nợ nần nhiều người khác nên bà H khởi kiện yêu cầu ông Lê Trung T phải trả số tiền 250.000.000 đồng và lãi theo lãi suất nhà nước quy định, thời gian tính lãi từ ngày chốt nợ cuối cùng 24/02/2024 cho đến khi ông T trả nợ xong.

Việc ông T cho rằng mượn 30.000.000 đồng và 50.000.000 đồng mà không có giấy mượn tiền là không đúng vì số tiền ít thì không nói, còn số tiền nhiều thì phải viết giấy để biết mà trả nợ, đòi nợ. Việc ông T vay tiền là có thật, việc ông T viết các giấy nợ như trình bày trên là tự nguyện viết, không ai có thể ép buộc được. Còn việc bà H giữ lại các giấy nợ số tiền 22.000.000 đồng, 127.000.000 đồng, 150.000.000 đồng thì do ông T chưa trả nên giữ lại làm bằng chứng. Nay bà H giao nộp hết các giấy tờ gốc cho Toà.

Bị đơn ông Lê Trung T trình bày: Từ năm 2020, ông T có vay của bà Hoàng Thị H số tiền 30.000.000 đồng và trả lãi hàng tháng. Đến năm 2021, ông T vay thêm số tiền 50.000.000 đồng và trả lãi hàng tháng. Các khoản tiền 30.000.000 đồng và 50.000.000 đồng không viết giấy mượn tiền. Ngày 24/01/2023, ông T viết giấy nợ cho bà H, số tiền 127.000.000 đồng. Ngày 24/02/2023 AL thì ông T viết giấy nợ cho bà H số tiền 22.000.000 đồng, đây là khoản tiền lãi tôi không trả được cho bà H nên viết giấy nhận nợ cho bà H. Đến ngày 22/5/2023 thì tôi viết lại giấy nợ, số tiền 150.000.000 đồng (Bao gồm các giấy nợ ngày 24/01/2023 và giấy nợ ngày 24/02/2023) là số tiền gốc và lãi. Đến ngày 10/02/2024 thì viết lại giấy mượn tiền ghi số nợ gốc là 150.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Ông Lê Trung T thừa nhận các giấy nhận nợ là do ông T viết nhưng do trả lãi không được nên buộc ghi nợ, ông T không vay bất cứ khoản tiền nào khác ngoài số tiền 80.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu trả nợ số tiền 250.000.000 đồng thì ông T không đồng ý, chỉ chấp nhận trả nợ số tiền 80.000.000 đồng và xin bà H miễn tiền lãi. Vì nay ông T tuổi đã cao, hết khả năng lao động, xin tiền ăn con hàng ngày nên mỗi tháng xin trả nợ số tiền 300.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền thống nhất thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Lê Trung T trả ngay một lần số tiền gốc 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), rút lại phần yêu cầu đối với số tiền 80.000.000 đồng, tự nguyện rút vì lý do thấy gia đình bị đơn Lê Trung T hoàn cảnh khó khăn. Không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Lê Trung T trình bày: Tôi thừa nhận giấy nhận nợ ngày 10/2/2024 là do tôi viết tại nhà của bà H, tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Tôi có trình bày nợ bà H số tiền 80.000.000 đồng nhưng chỉ nói miệng, không viết giấy nhận nợ, trình bày có trả lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nay tại phiên toà, bà H thay đổi yêu cầu, yêu cầu tôi trả nợ số tiền 170.000.000 đồng, rút lại phần yêu cầu trả 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì tôi rất cảm ơn, chấp nhận trả nợ cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Lê Trung T có nghĩa vụ phải trả số nợ gốc 170.000.000 đồng, đình chỉ đối với yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 80.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xét. Bị đơn Lê Trung T là người cao tuổi nên đề nghị xem xét miễn án phí cho bị đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Trung T trả nợ. Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Lê Trung T có địa chỉ thường trú tại Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn Hoàng Thị H trình bày cho bị đơn Lê Trung T mượn số tiền 127.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 24/01/2023. Ngày 24/02/2023 AL thì ông T mượn số tiền 22.000.000 đồng. Ngày 22/5/2023 viết lại giấy nợ, số tiền 150.000.000 đồng (Gồm giấy nợ ngày 24/01/2023 và giấy nợ ngày 24/02/2023). Đến ngày 10/02/2024 thì viết lại giấy mượn tiền thể hiện số nợ gốc là 150.000.000 đồng và bà H đưa thêm cho ông T là 100.000.000 đồng. Tổng số tiền mà ông Tòn M là 250.000.000 đồng, thời gian trả là 12 tháng, không thoả thuận lãi và lãi suất.

[3] Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn thấy bị đơn Lê Trung T có hoàn cảnh khó khăn nên chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 80.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

[4] Bị đơn Lê Trung T trình bày: Giấy nhận nợ ngày 10/02/2024 thì bị đơn Lê Trung T thừa nhận viết, tổng cộng số tiền là 250.000.000 đồng. Nay nguyên đơn

Hoàng Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 170.000.000 đồng, không yêu cầu trả 80.000.000 đồng, không tính lãi nên bị đơn chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn.

[5] Xét tại giấy mượn tiền ngày 10/02/2024 có ghi nhận: Ông Lê Trung T có mượn của vợ chồng H tổng cộng 250.000.000 đồng, trả trong thời gian 12 tháng, không thỏa thuận thời gian trả lãi. Do đó, xác định là Hợp đồng vay có kỳ hạn quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự. Nay nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 80.000.000 đồng xét tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp nên chấp nhận. Xét bị đơn Lê Trung T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Hoàng Thị H nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn T phải trả số tiền gốc là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

[6] Ông T cho rằng chỉ nợ 80.000.000 đồng và trả lãi cho bà H nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh cho việc trả nợ của ông T đối với bà H nên không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[9] Về án phí: Bị đơn Lê Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn T đã trên 60 tuổi, thuộc diện được miễn án phí theo quy định nên chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Hoàng Thị H; buộc bị đơn Lê Trung T phải trả cho nguyên đơn Hoàng Thị H số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn Hoàng Thị H về việc yêu cầu bị đơn Lê Trung T trả số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Lê Trung T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại cho nguyên đơn Hoàng Thị H số tiền 6.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0005852 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hoà;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên